

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HSST

Ngày: 22/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Dương

Ông Tạ Minh Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2023/TLST-HS ngày 28/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HS ngày 14/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/HSST-QĐ ngày 25/7/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 03/2023/TB-TA ngày 07/8/2023 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Đàm Thị C; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1946 tại tỉnh Hưng Yên; Đăng ký HKTT: Số B, ngõ B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 37b, Ngõ C Hồ N, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Đàm Hữu T (đã chết) và bà Vũ Thị Q (đã chết); Chồng: Trần Văn T1, sinh năm: 1940; Có 03 con lớn nhất sinh năm 1970, con nhỏ nhất sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Đào Ngọc O; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1984 tại tỉnh Hưng Yên; Đăng ký HKTT: Tổ A, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: Thạc sỹ quản lý kinh tế; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Đào Khắc S, sinh năm: 1955 và bà Chu Thị Ngọc K, sinh

năm: 1958; Chồng: Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1983; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Bảo lãnh. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Đàm Thị C:** Bà Đỗ Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

Địa chỉ: Trụ sở làm việc của Sở T - Số A, đường A, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

*** Bị hại:**

1. Công ty Cổ phần L2 (viết tắt là Công ty L2)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Q1 - Giám đốc

Địa chỉ: Số nhà B, ngách A, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty L2:

Ông Nguyễn Ngọc K1 - Luật sư Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số A, ngõ B, phố H, phường B, quận L, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Chị Lò Thị Đ, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

3. Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

4. Anh Sin Văn T2, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

5. Chị Cao Thị H1, sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai

6. Chị Lò Thị H2, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

7. Anh Lò Văn D, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

8. Anh Ly Phát H3, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai

9. Chị Mai Thị V, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

10. Anh Sần Tãi T3, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên

11. Anh Quảng Văn M, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

12. Chị Lò Thị C2, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La

13. Anh Trần Quốc T4, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số C, ngõ C, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH S1

Địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đàm Thị C, sinh năm 1946 - Giám đốc.

HKTT: Số B, ngõ B, phố B, phường T, quận H, Tp . Hà Nội. (Có mặt)

2. Công ty Cổ phần B

Địa chỉ trụ sở: Thôn G, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đào Thị Thu H4, sinh năm 1990

Chức vụ: Tổng giám đốc; HKTT: Thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
(Có mặt)

4. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1983

HKTT: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số A N, B, TP Hà Nội. (Có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Đào Ngọc H5, sinh năm: 1957. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

2. Ông Nguyễn Việt H6, sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên

3. Anh Phạm Văn C3, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S1 (gọi tắt là Công ty S1) có trụ sở tại thôn N, xã L, huyện V được thành lập ngày 11/10/2004, với ngành, nghề kinh doanh là xén, kẻ giấy vở học sinh, giấy phô tô, vi tính và fax, in bao bì, các sản phẩm liên quan đến in và các sản phẩm sau in, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, buôn bán phụ tùng thiết bị máy móc vật tư ngành giấy và in; do ông Trần Quốc T5, sinh năm 1970, HKTT: Số B ngõ B, phố B, phường T, quận H, Tp . là Giám đốc. Ngày 03/3/2008 Công ty S1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy, chữa

cháy. Đến ngày 31/3/2010 thì Công ty S1 thay đổi đăng ký kinh doanh với ngành nghề: In giấy, gia công sau in và cho thuê nhà xưởng do Đàm Thị Cứu sinh năm 1946, HKTT: Số B, ngõ B, phố B, phường T, quận H, Tp . Hà Nội là Giám đốc và là người đứng đầu doanh nghiệp. Ngày 06/12/2016, Công ty S1 ký hợp đồng thuê đất số 263 với Ủy ban nhân dân tỉnh H. Theo đó, Công ty S1 thuê của UBND tỉnh H 9.914 m² đất tại thửa số 200 thuộc tờ bản đồ số 09, tỷ lệ 1/2000 tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Thời hạn thuê từ 06/5/2005 đến ngày 06/5/2040. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Ngày 02/10/2020 và 09/10/2020, Công ty S1 ký hợp đồng cho Công ty Cổ phần B (gọi tắt là Công ty B) thuê lại nhà xưởng với tổng diện tích 1.900 m² tại thôn N, xã L, huyện V. Tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty B thể hiện: Doanh nghiệp do bà Đào Thị Thu H4, sinh năm 1990, HKTT: thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên là Tổng Giám đốc. Đào Ngọc O là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Công ty B thuê lại nhà xưởng của Công ty S1 để làm địa điểm kinh doanh và làm kho chứa hàng hóa (cụ thể là để chứa vải vụn, sơ chế rồi chuyển đi nơi khác).

Ngày 30/11/2020, Công ty S1 tiếp tục ký hợp đồng cho Công ty Cổ phần L2 (gọi tắt là Công ty L2) thuê nhà xưởng với diện tích là 3.090m² tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên và tiếp giáp với nhà xưởng của Công ty B đã thuê nêu trên. Công ty L2 do bà Nguyễn Thị Kim Q1, sinh năm 1977, HKTT: Ngách A phố T, phường T, quận Đ, Tp . Hà Nội là Tổng Giám đốc. Công ty L2 thuê nhà xưởng trên để làm kho chứa hàng hóa là xe đạp điện.

Từ khi thành lập, Công ty S1 chưa thực hiện đảm bảo các phương án phòng cháy chữa cháy (PCCC) như: Chưa tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ theo tình huống giả định; chưa lập hồ sơ thiết kế về PCCC đối với việc cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng, công trình, hạng mục công trình và tổ chức nghiệm thu PCCC theo quy định; chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động; chưa xây dựng phương án chữa cháy, thoát nạn, cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan. Sau khi thuê lại nhà xưởng của Công ty S1 thì bà Nguyễn Thị Kim Q1 là người đứng đầu Công ty L2 cũng chưa lập hồ sơ thiết kế về các giải pháp, hệ thống PCCC phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở để trình thẩm duyệt và tổ chức nghiệm thu về PCCC theo quy định, chưa xây dựng phương án cứu nạn cứu hộ (CNCH) của cơ sở; chưa trang bị trang phục cho đội PCCC cơ sở; chưa xây dựng kế hoạch tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; chưa liên hệ với Phòng C4 (PC07) để được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; chưa mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định. Còn Đào Ngọc O là người đứng đầu Công ty B cũng chưa thực hiện bất kỳ biện pháp nào về công tác phòng cháy, chữa cháy sau khi thuê lại nhà xưởng nói trên theo qui định.

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 29/4/2021, tại nhà xưởng của Công ty B đã thuê nói trên, có các công nhân đang làm việc gồm: Anh Sin Văn T2, sinh năm 1992;

anh Ly Phát H3, sinh năm 1992; chị Lù Thị Đ, sinh năm 1985; chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991; chị Cao Thị H1, sinh năm 1996 cùng ở xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai đang bốc vãi vụn thì phát hiện thấy tia lửa điện phát ra từ phía tường bên phải cửa ra vào (*phía Đông Bắc*), sau đó đã làm cháy vào đồng vãi ở nền nhà xưởng, phía bên trái cửa khoảng 3m (*phía Đông Nam*). Thấy vậy, mọi người đã hô hoán rồi dùng bình chữa cháy thô sơ để dập lửa, nhưng do lửa cháy lan nhanh và trước đó C và O đều không có biện pháp PCCC nên đám cháy đã cháy lan sang cả Công ty S1 và Công ty L2. Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh H (PC07), Công an huyện V, Công an xã L và lực lượng chữa cháy tại cơ sở đã tiến hành chữa cháy nhưng đến 5 giờ ngày 30/4/2021 thì đám cháy mới được dập tắt.

Hậu quả:

- Tại Công ty B: Toàn bộ phần nhà xưởng của Công ty B bị cháy, thiệt hại về tài sản là: 1.900m² có kết cấu tường bao xây lửng, mái tôn lạnh, khung thép, dầm thép bị cong vênh, biến dạng, đổ sập hoàn toàn; 1 máy nghiền thô 1 trục loại 37KW, 1 máy nghiền tinh L1500 loại 90KW và 1 xe cầu gập máy xúc Hitachi EX55 loại 29(40)/2100KW bị cháy hoàn toàn; 150 tấn vãi vụn bị than hóa một phần do tác động nhiệt; hệ thống dây dẫn điện từ trạm biến áp đi vào cầu giao tổng, tủ điện, dây điện, bóng đèn chiếu sáng, đèn cao áp, 1 bộ M1, 1 đầu thu có 5 mắt camera bị cháy hoàn toàn.

- Tại Công ty L2: 665m² nhà xưởng có kết cấu tường bao xây lửng, khung thép, mái tôn lạnh, vách tôn bị cong vênh, biến dạng, đổ sập; 270 xe máy điện, xe đạp điện các loại bị cháy hoàn toàn chỉ để lại khung kim loại.

- Công ty S1 là: 700m² nhà văn phòng có phần trần bị cháy dở còn để lại các khung kim loại, các tấm gỗ cháy dở, phần mái bằng kim loại bị biến dạng, đổi màu sắc, cong vênh do tác động của nhiệt; xưởng gia công để trống có kết cấu tường bao xây lửng, khung thép, mái tôn lạnh bị tác động của nhiệt làm biến dạng một phần và một số đồ dùng cá nhân bị cháy làm hư hỏng hoàn toàn.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SuperDREAM màu nâu biển số 29X7-4905 đang dựng tại Công ty S1 của anh Trần Quốc T4, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số C, ngõ C, phường H, quận H, thành phố Hà Nội bị cháy hoàn toàn để lại khung bằng kim loại. Anh T4 là con rể của bị cáo Đàm Thị C.

Vụ cháy còn làm hư hỏng một số tài sản cá nhân của các công nhân đang làm việc cho Công ty B thời điểm đó gồm: Chị Lù Thị Đ, sinh năm: 1985; Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1991; Anh Sin Văn T2, sinh năm: 1992; Chị Cao Thị H1, sinh năm: 1996; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai; Chị Lù Thị H2, sinh năm: 1984; Anh Lù Văn D, sinh năm: 1985; Anh Ly Phát H3, sinh năm: 1992; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai; Chị Mai Thị V, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Anh Sần Tả T3, sinh năm:

1998; Địa chỉ: Bản T, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên; Anh Quảng Văn M, sinh năm: 1998 Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chị Lò Thị C2, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La nhưng những thiệt hại của các công nhân trên chỉ xác định từ lời khai của họ mà không có tài liệu, chứng cứ nào khác, hiện trường không thu giữ dấu vết gì chứng minh, không có căn cứ định giá.

Ngày 01/5/2021, bà Nguyễn Thị Kim Q1 - Đại diện theo pháp luật của Công ty L2 đã làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện V sự việc nêu trên.

Ngày 13/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ C5 giám định nguyên nhân cháy tại Công ty B. Tại Bản kết luận giám định số 3655/C09-P2 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của V1 - Bộ C5 kết luận: Điểm xuất phát cháy nằm ở khu vực góc Đông Bắc xưởng nghiền vôi vụn của Công ty B (thuê lại của Công ty S1). Nguyên nhân cháy: Do chập mạch điện trên đường dây dẫn điện làm cháy lớp vỏ cách điện, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên.

Ngày 05/6/2021, Đàm Thị C giao nộp đăng ký xe mô tô biển số 29X7-4905 mang tên Trần Quốc T4.

Ngày 07/6/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện V đã yêu cầu định giá để xác định thiệt hại của các Công ty S1, B và HTC. Ngày 25/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Đối với Công ty L2: 665m² kho thuê của Công ty S1 bị cong vênh, biến dạng, đổ sập nhưng không đủ căn cứ định giá; 270 xe máy điện hoàn chỉnh, xe đạp điện các loại hoàn chỉnh, xe bị cháy hoàn toàn chỉ để lại khung kim loại, có giá trị là 1.356.120.000đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SuperDream màu nâu biển số 29X7-4905 trị giá 5.000.000đồng; Tổng thiệt hại định giá được là 1.361.120.000 đồng. Các tài sản khác của Công ty S1, B, HTC và tài sản của công nhân làm việc cho Công ty B do không cung cấp được chứng từ, hóa đơn và các tài liệu liên quan nên không có căn cứ định giá.

Trong quá trình điều tra, Đàm Thị C và Đào Ngọc O đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên. Cơ quan điều tra đã nhiều lần đến nơi cư trú của anh T4 nhưng anh T4 không có nhà nên không lấy được lời khai của anh T4.

Ngày 06/3/2023, Đào Ngọc O đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty L2 số tiền là 300.000.000 đ do bà Nguyễn Thị Kim Q1 nhận, Đàm Thị C chưa bồi thường. Công ty L2 yêu cầu bị cáo Q1 và bị cáo O tiếp tục bồi thường cho Công ty L2 số tiền còn lại là 1.056.120.000đ, đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Đào Ngọc O.

Anh Ly Phát H3 là công nhân của Công ty B yêu cầu bồi thường 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 20 trị giá 3.700.000 đồng và 1.900.000 đồng tiền mặt đã bị cháy hoàn toàn nhưng không có căn cứ chứng minh. Do trị giá tài sản không

lớn nên các công nhân khác làm việc cho Công ty Bách thuận nêu trên không yêu cầu đề nghị gì.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: 01 đăng ký xe mô tô biển số 29X7- 4905 mang tên Trần Quốc T4 đang lưu trữ kèm hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSVG ngày 28/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố các bị cáo Đào Ngọc O, Đàm Thị C về tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy*” theo khoản 2 điều 313 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo O mặc dù đã được HĐXX giải thích về các tài sản anh Ly Phát H3 yêu cầu bồi thường không có đủ căn cứ định giá nhưng bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho anh Ly Phát H3 số tiền 5.600.000 đồng như đã nêu trên.

Bị cáo C tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang để khắc phục hậu quả cho Công ty L2 đồng thời nhận trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Quốc T4 giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream màu nâu biển số 29X7 - 4905 trị giá 5.000.000 đồng.

- Đại diện bị hại vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại thể hiện quan điểm: Công ty L2 chấp nhận chịu một phần thiệt hại là 356.120.000 đồng và tiếp tục yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường 500.000.000 đồng phần thiệt hại còn lại. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo O.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điểm c khoản 2 điều 313; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều Điều 54; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Thị C. Điểm c khoản 2 điều 313; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc O.

Tuyên bố các bị cáo Đào Ngọc O, Đàm Thị C phạm tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy*”.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc O, Đàm Thị C, mỗi bị cáo từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357, 584, 587, 589 Bộ

luật dân sự; Chấp nhận sự tự nguyện của bị hại về việc nhận chịu thiệt hại là 356.120.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo O về việc bị cáo nhận bồi thường cho anh L1 Phát Hành 5.600.000 đồng và buộc bị cáo O phải bồi thường tiếp cho bị hại 200.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo C về việc tự nguyện bồi thường cho anh Trần Quốc T4 số tiền 5.000.000 đồng và buộc bị cáo C phải bồi thường tiếp cho bị hại 480.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại anh Trần Quốc T4 01 đăng ký xe mô tô biển số 29X7- 4905 mang tên Trần Quốc T4.

Về án phí: Bị cáo C là người già nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo O phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Người bào chữa cho bị cáo C nhất trí quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại bản luận tội, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo C được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị hại Công ty L2 thể hiện quan điểm: Đồng ý bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo O nhưng không đồng ý với phần hình phạt đối với bị cáo C, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo C từ 02 năm đến hơn 02 năm tù mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Công ty L2 chấp nhận chịu một phần thiệt hại là 356.120.000 đồng và tiếp tục yêu cầu các bị cáo phải bồi thường phần thiệt hại còn lại. Bị cáo O được trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường cho Công ty L2 là 300.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo O.

Đại diện VKS đối đáp: Bị cáo O và bị cáo C có lỗi ngang nhau trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người già, người có công với cách mạng, cũng đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đề nghị tại bản luận tội nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi

tổ tụng, Quyết định tổ tụng, người tiến hành tổ tụng đều đúng quy định của pháp luật.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt không có lý do, bị cáo không đề nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ vì họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. Xét thấy quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo quy định của pháp luật. Do đó HĐXX đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 29/4/2021, tại khu vực góc Đông Bắc xưởng nghiền vôi vụn của Công ty B, do chập mạch điện trên đường dây dẫn điện làm cháy lớp vỏ cách điện, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nêu trên. Lửa cháy lan sang xưởng của công ty L2, làm cháy toàn bộ 270 xe máy điện hoàn chỉnh, xe đạp điện các loại hoàn chỉnh của Công ty L2, có giá trị là 1.356.120.000 đồng, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SuperDream màu nâu biển số 29X7-4905 trị giá 5.000.000 đồng và các tài sản khác của Công ty S1, Công ty B và Công ty L2. Tổng giá trị tài sản thiệt hại định giá được là 1.361.120.000 đồng. Đàm Thị C là Giám đốc, người đứng đầu Công ty TNHH S1 có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về phòng cháy và chữa cháy nhưng đã vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, cụ thể: Mặc dù đã được Phòng C4 Công an tỉnh H kiểm tra việc phòng cháy, chữa cháy và đã xác định Công ty S1 có nhiều vi phạm, yêu cầu phải khắc phục như: Chưa thi công, lắp đặt đầy đủ hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định; Số lượng bình chữa cháy chưa đảm bảo số lượng; Chưa tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ theo tình huống cơ sở tự giả định; chưa lập hồ sơ thiết kế về PCCC đối với việc cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng, công trình, hạng mục công trình và tổ chức nghiệm thu PCCC theo quy định; chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động; chưa xây dựng phương án chữa cháy, thoát nạn, cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan; chưa mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, chưa đôn đốc các đơn vị thuê trong cơ sở thực hiện quy định về phòng cháy chữa cháy nhưng Công ty S1 không thực hiện. Đào Ngọc O là Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đứng đầu Công ty Cổ phần B thuê lại xưởng của công ty S1, có thay đổi tính chất sử dụng nhà xưởng nhưng không phối hợp với người đứng đầu cơ sở thực hiện, duy trì, điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình. Những điều kiện về an toàn phòng cháy, chữa cháy phải được

người đứng đầu cơ sở, cơ quan, tổ chức là C, O thực hiện trước khi đưa vào hoạt động. Trong đó C là người đứng đầu cơ sở phải chịu trách nhiệm chung đối với toàn bộ cơ sở. O có trách nhiệm phối hợp nhưng không làm đã để xảy ra cháy ngay tại xưởng của Công ty B nên mức độ lỗi của các bị cáo là ngang nhau. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 1 Điều 20 luật Phòng cháy và Chữa cháy sửa đổi bổ sung năm 2013; Khoản 3, 4 Điều 5; Khoản 2 Điều 11 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và Chữa cháy dẫn đến hậu quả nêu trên. Các bị cáo đã có kinh nghiệm kinh doanh nhiều năm nên biết rõ việc không đảm bảo phòng cháy, chữa cháy có thể gây ra hậu quả là thiệt hại về người, tài sản nhưng vẫn không thực hiện đầy đủ, khi xảy ra cháy đã vô ý gây ra thiệt hại 1.361.120.000 đồng, trong đó thiệt hại của công ty L2 là 1.356.120.000 đồng, của anh Trần Quốc T4 là 5.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 313 của Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, mà cụ thể là an toàn cháy, nổ từ việc vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, gây thiệt hại về tài sản của pháp nhân, cá nhân được pháp luật bảo vệ.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo C đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo là người già, năm 1984 được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có chồng là Thương binh, chồng bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 2; Bị cáo O là phụ nữ có thai, sau khi xảy ra cháy đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có bố đẻ là ông Đào Khắc S là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất và Huy chương chiến sỹ giải phóng, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận. Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi khi không phối hợp với Công ty S1 thực hiện việc thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC đối với việc cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng nhà xưởng thuê của Công ty S1. Do đó, bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo O được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. Về hình phạt:

Bị cáo C có 04, bị cáo O có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Đại diện Viện kiểm sát huyện V đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, cần áp dụng mức hình phạt không quá 03 năm tù đối với các bị cáo.

Các bị cáo phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng do vô ý, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo O đang nuôi con nhỏ, lại đang mang thai, sau khi để xảy ra cháy đã tích cực bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo C là người già, đã nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Do đó, HĐXX thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong thời gian chấp hành bản án, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo, hình phạt đối với bị cáo O nhưng không nhất trí phần hình phạt đối với bị cáo C là không công bằng đối với bị cáo C vì lỗi của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau, bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự hơn bị cáo O, đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị xử phạt bị cáo C hình phạt tù của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

[5]. Đối với người đứng đầu Công ty cổ phần L2 là người cũng có lỗi trong vụ án, tuy nhiên xét thấy tài sản bị thiệt hại chính là tài sản của Công ty L2 và vụ cháy không ảnh hưởng, gây thiệt hại đến những đơn vị, nhà xung quanh, thiệt hại 5.000.000 đồng của anh Trần Quốc T4 không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện V không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu Công ty L2 là có căn cứ, Tòa án không xem xét thêm.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Sau khi xảy ra vụ cháy trên, các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, việc kinh doanh lại gặp khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty L2 tự nguyện chịu 356.120.000 đồng thiệt hại và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiếp số thiệt hại còn lại là 1.000.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý với yêu cầu của Công ty L2 và thống nhất mỗi bị cáo bồi thường cho Công ty L2 500.000.000 đồng, bị cáo O đã bồi thường cho bị hại 300.000.000 đồng và còn phải bồi thường cho bị hại 200.000.000 đồng. Xét thấy bị hại cũng có lỗi trong vụ án

này, lỗi các bị cáo gây ra thiệt hại là ngang nhau nên chấp nhận sự tự nguyện của bị hại và sự thỏa thuận của các bị cáo với nhau về mức bồi thường cho bị hại nêu trên.

- Chị Lò Thị Đ, chị Hoàng Thị N, anh Sin Văn T2, chị Cao Thị H1, chị Lò Thị H2, anh Lò Văn D, anh Ly Phát H3, chị Mai Thị V, anh Sần Tãi T3, anh Quảng Văn M, chị Lò Thị C2 khai bị cháy một số đồ dùng cá nhân và tiền mặt nhưng không có căn cứ chứng minh, không định giá được thiệt hại nên không đủ căn cứ xem xét, giải quyết. Do trị giá tài sản không lớn nên các anh chị không yêu cầu đề nghị gì.

- Bị cáo O mặc dù đã được HĐXX giải thích về các tài sản anh Ly Phát H3 yêu cầu bồi thường không có đủ căn cứ định giá nhưng bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho anh Ly Phát H3 số tiền 5.600.000 đồng đổi với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 20 trị giá 3.700.000 đồng và 1.900.000 đồng tiền mặt anh H3 khai đã bị cháy trong vụ cháy trên. Bị cáo C tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang để khắc phục hậu quả cho Công ty L2 đồng thời nhận trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Quốc T4 giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream màu nâu biển số 29X7 - 4905 trị giá 5.000.000 đồng. Các bị cáo không yêu cầu gì đối với người khác về việc bồi thường cho anh H3, anh T4. Xét thấy sự tự nguyện của các bị cáo không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có lợi cho bị hại nên HĐXX chấp nhận.

- Công ty S1 và công ty B đã tự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại do vụ cháy gây ra, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Số tiền 300.000.000 đồng bị cáo O đã bồi thường cho bị hại là tiền của bị cáo và gia đình bị cáo, bị cáo và chồng bị cáo là anh Nguyễn Văn C1 không đề nghị Tòa giải quyết trách nhiệm của bị cáo và gia đình bị cáo đối với số tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 đăng ký xe mô tô biển số 29X7 - 4905 mang tên Trần Quốc T4 đang lưu trữ kèm hồ sơ vụ án là giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của anh T4 đối với chiếc xe mô tô trên nên trả lại anh T4 01 đăng ký xe này.

[9]. Về án phí: Bị cáo O phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo C là người già nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 điều 313; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Thị C.

- Điểm c khoản 2 điều 313; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc O.

- Điều 357, 584, 587, 589 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 136; Khoản 1 Điều 292; Khoản 1 điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đàm Thị C, Đào Ngọc O phạm tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*”.

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đàm Thị C 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đàm Thị C cho Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc O 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đào Ngọc O cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Đàm Thị C phải bồi thường cho Công ty Cổ phần L2 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, bị cáo còn phải bồi thường 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và bồi thường cho anh Trần Quốc T4 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Đào Ngọc O phải bồi thường cho Công ty Cổ phần L2 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và bồi thường cho anh Ly Phát H3 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về xử lý vật chứng: Trả lại anh Trần Quốc T4 01 đăng ký xe mô tô biển số 29X7 - 4905 mang tên Trần Quốc T4 đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Đào Ngọc O phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.280.000đ (Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Đàm Thị C.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện V;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN